TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19-9-2023
"Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Minh Thống.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Bùi Minh Châu;

2. Bà Trương Thị Bé Sáu.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Ngô Thị Kim Lài – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa:* ông Phạm Văn Sóc - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Q, sinh ngày 18/10/1992 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Khóm C, phường E, thị xã R, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Đỗ W, sinh năm 1995 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã Z, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN THẤY:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Võ Thị Q trình bày:

Chị và anh Đỗ W cưới nhau vào năm 2018 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Z ngày 08/02/2021, hôn nhân tìm hiểu trước. Trong quá trình chung sống cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc và đã có 01 con chung tên Đỗ G, sinh ngày

10/9/2019. Đến giữa năm 2022, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẩn, nguyên nhân là do anh W không lo làm ăn và hay đi đánh bạc, nhiều lần chị khuyên ngăn nhưng anh W không sửa đổi và vợ chồng đã sống ly thân, từ đó đến nay anh W cũng không liên lạc để thăm hỏi con. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên chị làm đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết

Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh W;

Về con chung: Có 01 con chung tên Đỗ G, sinh ngày 10/9/2019 hiện đang sống chung với chị. Nay ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu anh W cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại gia đình chị kinh doanh thực phẩm bánh mì, chị phụ giúp gia đình được trả lương mỗi tháng là 8.000.000đồng, với số tiền này chị nhận thấy đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh W chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn anh Đỗ W không có văn bản trình bày ý kiến của mình, nhưng trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 03/8/2023 gửi Tòa án, anh W đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Q, về con chung anh đồng ý giao cho chị Q nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nợ chung không có.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều được thực hiện theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 91 và Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Q đối với anh Đỗ W

Về con chung: Chị Võ Thị Q được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đỗ G, sinh ngày 10/9/2019, anh W không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Q tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ kiện tranh chấp Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn Đỗ W hiện cư trú tại ấp Tân Hòa Trung, xã Z, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Sau khi nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án, bị đơn anh Đỗ W làm đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị Võ Thị Q yêu cầu ly hôn với anh Đỗ W. Hội đồng xét xử xét thấy, theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, chị Võ Thị Q và anh Đỗ W cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Z, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến giữa năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh W không lo làm ăn mà chỉ lo tụ tập ăn chơi, chị có khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh W vẫn không sửa đổi làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt và sống ly thân từ giữa năm 2022 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh W không tới thăm chị và con, không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, tình cảm giữa anh chị không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời trong đơn xin xét xử vắng mặt, anh W cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Q. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Q là hoàn toàn phù hợp với quy định Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Q và anh W chung sống có 01 con chung tên Đỗ G, sinh ngày 10/9/2019 hiện đang sống chung với chị Q, nay ly hôn chị Q yêu cầu được tiếp tục nuôi con không yêu cầu anh W cấp dưỡng nuôi con vì chị có khả năng. Xét thấy, cháu Đỗ G hiện do chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời, từ khi ly thân đến nay anh W không tới lui chăm sóc con và nay ly hôn, anh W cũng đồng ý giao cháu Đỗ G cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị Q là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và anh W không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Q tự nguyện không yêu cầu. Mặc dù anh W không trực tiếp nuôi con

và không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng chị Q cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Hào trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Q trình bày, chị và anh W chung sống không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị Q trình bày, chị và anh W chung sống không có nợ ai và cũng không ai nợ anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

[3] Từ các phân tích trên, xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp pháp luật .

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định, theo đó:

[4.1] Chị Võ Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0001147 ngày 06/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, chị Q đã nộp xong.

[4.2] Anh Đỗ W không phải chịu án phí dân sự sở thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Q. Chị Võ Thị Q được ly hôn với anh Đỗ W.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Q. Chị Võ Thị Q được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đỗ G, sinh ngày 10/9/2019, anh Đỗ W không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Q tự nguyện không yêu cầu. Chị Q cùng các thành viên gia

đình không được cản trở anh W trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Võ Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0001147 ngày 06/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, chị Q đã nộp xong.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/9/2023). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố C;
- UBND xã Z;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Thống